



- Câu 19:** Phụ nữ mắc bệnh nào dưới đây thì con sinh ra có nguy cơ mù lòa cao hơn người bình thường?  
 A. Lậu. B. Giang mai. C. HIV/AIDS. D. Viêm gan C.
- Câu 20:** Tác nhân gây bệnh AIDS là do  
 A. virut HIV. B. virut bạch cầu. C. song cầu khuẩn. D. virut corona.
- Câu 21:** Tế bào thụ cảm thị giác nằm ở đâu?  
 A. Màng giác của mắt. B. Màng cứng của mắt.  
 C. Màng mạch của mắt. D. Màng lưới của mắt.
- Câu 22:** Để khắc phục tật cận thị, ta cần đeo  
 A. kính râm. B. kính lúp. C. kính hội tụ. D. kính phân kì.
- Câu 23:** Vùng thính giác nằm ở  
 A. thùy chẩm. B. thùy thái dương. C. thùy đỉnh. D. thùy trán.
- Câu 24:** Phản xạ nào dưới đây là phản xạ có điều kiện?  
 A. Bỏ chạy khi có báo cháy. B. Nổi gai góc khi có gió lạnh lùa.  
 C. Vã mồ hôi khi tập luyện quá sức. D. Rút tay lại khi chạm phải vật nóng.
- Câu 25:** Hệ thống tín hiệu thứ hai của sự vật bao gồm những yếu tố nào?  
 A. Tiếng nói và chữ viết. B. Thị giác và thính giác.  
 C. Âm thanh và hành động. D. Màu sắc và hình dáng.
- Câu 26:** Tại sao không nên làm việc quá sức và thức quá khuya?  
 A. Vì sẽ ảnh hưởng đến khả năng phục hồi hoạt động của hệ thần kinh và hoạt động của các cơ quan khác.  
 B. Vì sẽ ảnh hưởng đến người khác.  
 C. Vì ảnh hưởng đến khả năng hoạt động của cơ thể. D. Vì thức khuya sẽ dẫn đến béo phì.
- Câu 27:** Tuyến nào dưới đây là tuyến pha?  
 A. Tuyến tụy. B. Tuyến sữa. C. Tuyến thượng thận. D. Tuyến nhờn.
- Câu 28:** Thùy sau tuyến yên tiết ra  
 A. kích tố tuyến giáp (TSH). B. kích tố tuyến sữa (PRL).  
 C. kích tố tăng trưởng (GH). D. kích tố chống đái tháo nhạt (ADH).
- Câu 29:** Bệnh nào sau đây có liên quan đến sự thiếu nguyên tố iot?  
 A. Bệnh bướu cổ. B. Bệnh còi xương. C. Bệnh cận thị. D. Bệnh tự kỷ.
- Câu 30:** Bệnh tiểu đường có liên quan đến sự thiếu hụt hoặc rối loạn hoạt tính của hoocmôn  
 A. GH. B. Glucagôn. C. Insulin. D. Adrênalín.
- Câu 31:** Hoocmôn điều hoà sinh dục nam có thể được tiết ra bởi tuyến nội tiết nào dưới đây?  
 A. Tuyến tụy. B. Tuyến trên thận. C. Tuyến thượng thận. D. Tuyến giáp.
- Câu 32:** Ở nữ giới, hoocmôn nào có tác dụng sinh lí tương tự như testôstêrôn ở nam giới?  
 A. Adrênalín. B. Insulin. C. Prôgestêrôn. D. Ôstrôgen.
- Câu 33:** Hoocmon nào dưới đây có khả năng chuyển hóa glixerin, axit amin thành glucozo?  
 A. Canxitônin. B. Insulin. C. Coocitizôn. D. Glucagôn.
- Câu 34:** Sau khi hoàn thiện về cấu tạo, tinh trùng được dự trữ ở đâu?  
 A. Ống đái. B. Mào tinh. C. Túi tinh. D. Tinh hoàn.
- Câu 35:** Bộ phận nào trong cơ quan sinh dục nữ làm nhiệm vụ sản sinh trứng?  
 A. Buồng trứng. B. Ống dẫn trứng. C. Tử cung. D. Âm đạo.
- Câu 36:** Hiện tượng kinh nguyệt là dấu hiệu chứng tỏ  
 A. trứng đã được thụ tinh nhưng không rụng. B. hợp tử được tạo thành bị chết ở giai đoạn sớm.  
 C. trứng không có khả năng thụ tinh. D. trứng chín và rụng nhưng không được thụ tinh.
- Câu 37:** Biện pháp tránh thai nào dưới đây làm cản trở sự chín và rụng của trứng?  
 A. Sử dụng bao cao su. B. Đặt vòng tránh thai.  
 C. Uống thuốc tránh thai. D. Tính ngày trứng rụng.
- Câu 38:** Thai nhi thực hiện quá trình trao đổi chất với cơ thể mẹ thông qua bộ phận nào?  
 A. Buồng trứng. B. Ruột. C. Nhau thai. D. Ống dẫn trứng.
- Câu 39:** Bệnh nào dưới đây gây tổn thương nội tạng và hệ thần kinh?  
 A. Giang mai. B. Lậu. C. Lang ben. D. Vảy nến.
- Câu 40:** Khi xâm nhập vào cơ thể người, HIV tấn công chủ yếu vào loại tế bào nào?  
 A. Đại thực bào. B. Tế bào limpho B.  
 C. Tế bào limpho T. D. Bạch cầu ưa axit.

## B. TỰ LUẬN

### Câu 1: So sánh tuyến ngoại tiết và tuyến nội tiết.

Tuyến ngoại tiết	Tuyến nội tiết
- Sản phẩm (chất tiết) theo ống dẫn đến các cơ quan xác định hoặc đưa ra ngoài. - Ví dụ: tuyến mồ hôi, tuyến nước bọt...	- Sản phẩm là các chất tiết (hormôn) tiết ra được ngấm thấm thẳng vào máu đưa đến cơ quan đích. - Ví dụ: tuyến yên, tuyến giáp...

### Câu 2: Nêu tính chất và vai trò hoocmon.

#### \* Tính chất:

- + Hoocmôn có tính đặc hiệu.
- + Hoocmôn có hoạt tính sinh học rất cao.
- + Hoocmôn không mang tính đặc trưng cho loài.

#### \* Vai trò:

- + Duy trì tính ổn định của môi trường bên trong cơ thể.
- + Điều hòa các quá trình sinh lí diễn ra bình thường.

### Câu 3: Thế nào là phản xạ có điều kiện và phản xạ không điều kiện. Cho ví dụ.

Phản xạ không điều kiện	Phản xạ có điều kiện
- Là phản xạ sinh ra đã có, không cần phải học tập. - Ví dụ: .....	- Là phản xạ được hình thành trong đời sống cá thể, là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện. - Ví dụ: .....

### Câu 4: Cơ sở khoa học của các biện pháp tránh thai là ngăn không để có thai ngoài ý muốn, như:

- + Tránh không để tinh trùng gặp trứng. VD: Sử dụng bao cao su, thắt và cắt ống dẫn tinh...
- + Chống sự làm tổ của trứng đã thụ tinh. VD: Vòng tránh thai.
- + Ngăn trứng chín và rụng. VD: Thuốc tránh thai, que ngừa thai.

### Câu 5: So sánh tật cận thị và tật viễn thị.

Tật của mắt	Nguyên nhân	Cách khắc phục
Tật cận thị (chỉ nhìn rõ vật ở gần)	Do cầu mắt dài, do không giữ đúng khoảng cách trong vệ sinh học đường, làm thể thủy tinh luôn phồng mắt khả năng dẫn.	Đeo kính cận (kính lõm - kính phân kì)
Tật viễn thị (chỉ nhìn rõ vật ở xa)	Do cầu mắt ngắn, hoặc thể thủy tinh bị lão hóa mất tính đàn hồi.	Đeo kính lão (kính hội tụ)

### Câu 6: So sánh bệnh bướu cổ và bệnh bazơđô.

Bệnh bướu cổ	Bệnh bazơđô
- Bệnh bướu cổ do khi thiếu iốt trong khẩu phần ăn hàng ngày, tiroxin không tiết ra, tuyến yên sẽ tiết hoocmôn thúc đẩy tuyến giáp tăng cường hoạt động gây phì đại tuyến giáp (bướu cổ).	- Bệnh Bazơđô do tuyến giáp hoạt động mạnh tiết nhiều hoocmôn làm tăng cường trao đổi chất, tăng tiêu dùng oxi, nhịp tim tăng, người bệnh luôn trong trạng thái hồi hộp, căng thẳng, mất ngủ, sút cân nhanh.